

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HS-ST

Ngày: 22 - 3 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bình - Nguyên Bí thư Thị Đoàn thị xã Đồng Xoài (nay là Thành Đoàn, thành phố Đồng Xoài), tỉnh Bình Phước

Ông Lê Ngọc Sứ - Chủ tịch Hội nông dân xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Văn P (tên gọi khác: P), sinh ngày 13/6/2000 tại Bình Phước; nơi cư trú tổ 03, khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bùi Văn L (tên gọi khác: Bùi Thanh L), sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: Không.

Về nhân thân:

Ngày 27/5/2015, bị Công an huyện Đ, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 32/QĐ-XPVPHC với hình thức phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 10/11/2016, bị Công an thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPVPHC với số tiền 375.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2018 cho đến nay, “có mặt”.

Người bị hại:

Cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 11/5/2003; trú tại địa chỉ tổ 01, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại cháu Lê Thị Thanh Thảo:

Ông Lê Minh D, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; cùng trú tại địa chỉ tổ 01, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (cha mẹ ruột của người bị hại). Người được ủy quyền làm người đại diện hợp pháp của người bị hại cháu Lê Thị Thanh T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (mẹ ruột của người bị hại) “ông D vắng mặt, bà L có mặt”

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại cháu Lê Thị Thanh T:

Bà Hoàng Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước - Thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Văn L (tên gọi khác: Bùi Thanh L), sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; cùng trú tại địa chỉ tổ 03, khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (cha mẹ ruột của bị cáo) “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn P có quan hệ tình cảm yêu đương với cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 11/5/2003. Trong khoảng thời gian từ ngày 11 tháng 9 năm 2018 đến ngày 01 tháng 10 năm 2018, được sự đồng ý của cháu T, P đã 03 lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với cháu T, cụ thể như sau.

Lần 1: Ngày 11/9/2018, do T buồn chuyện gia đình không muốn về nhà nên P rủ T đi tìm nhà nghỉ để ngủ thì T đồng ý. Sau đó, P và T đến nhà nghỉ “P” thuộc xã T, thành phố Đ, thuê phòng số 02. Tại đây, vào khoảng 23 giờ cùng ngày, P và cháu T ôm, hôn nhau rồi cả hai tự cởi quần áo của mình ra. Cháu T nằm ngửa trên giường, P nằm đè lên người cháu T, dùng tay phải cầm dương vật đưa vào âm hộ của cháu T để giao cấu khoảng 10 phút thì P xuất tinh vào trong âm hộ của cháu T.

Lần 2: Khoảng 16 giờ ngày 18/9/2018, T đến phòng trọ của P (phòng trọ số 4) tại nhà trọ “P” thuộc xã T, thành phố Đ chơi. Tại đây, vào khoảng 22 giờ cùng ngày, P và cháu T ôm, hôn nhau rồi cả hai tự cởi quần áo của mình ra. Cháu T nằm ngửa trên giường, P nằm đè lên người cháu T, dùng tay cầm dương vật đưa vào âm hộ của cháu T giao cấu khoảng 10 phút thì P xuất tinh vào trong âm hộ của cháu T.

Lần 3: Khoảng 23 giờ ngày 01/10/2018, tại phòng trọ của P (phòng trọ số 4) tại nhà trọ “P” thuộc xã T, thành phố Đ, P và cháu T ôm, hôn nhau rồi cả hai tự cởi quần áo của mình ra. Cháu T nằm ngửa trên giường, P nằm đè lên người cháu T, dùng tay

cầm dương vật đưa vào âm hộ của cháu T giao cấu khoảng 10 phút thì P xuất tinh vào trong âm hộ của cháu T.

Ngày 10/10/2018, bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột của cháu Lê Thị Thanh T gửi đơn tố cáo Bùi Văn P đến cơ quan Công an thành phố Đ.

Đến khoảng 21 giờ ngày 10/10/2018, Bùi Văn P đến Công an xã T, thành phố Đ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngày 12/10/2018 Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y tỉnh Bình Phước có bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 272/2018/TD kết luận: Lê Thị Thanh T màng trinh giãn, đường kính khoảng 1,5cm, có vết rách cũ sâu ở vị trí 3 giờ, 5 giờ và 8 giờ, không bầm tím, không xung huyết. Hiện tại không có thai.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đ đã thu giữ 01 áo thun ngắn tay màu xanh hiệu CORELAB; 01 áo thun cổ tim ngắn tay màu nâu xám hiệu TEAM; 01 quần sọc trắng caro đen không tên hiệu; 01 quần Jean màu nâu xám.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị T là cha mẹ ruột của bị cáo Bùi Văn P đã bồi thường cho gia đình người bị hại cháu Lê Thị Thanh T số tiền 10.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 22/CT-VKS-ĐX ngày 17/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ đã truy tố bị cáo Bùi Văn P về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn P mức án từ 36 đến 42 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do người đại diện hợp pháp của người bị hại cháu Lê Thị Thanh T không có yêu cầu gì ngoài số tiền 10.000.000 đồng mà cha mẹ của bị cáo P đã bồi thường thay cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại 01 áo thun cổ tim ngắn tay màu nâu xám hiệu TEAM, 01 quần Jean màu nâu xám cho người bị hại Lê Thị Thanh T; trả lại 01 áo thun ngắn tay màu xanh hiệu CORELAB; 01 quần sọc trắng caro đen không tên hiệu cho bị cáo Bùi Văn P.

Bị cáo P tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản trạng số 22/CT-VKS-ĐX ngày 17/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, với kết luận điều tra, kết luận giám định pháp y về tình dục, biên bản người phạm tội ra đầu thú, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng việc cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 11/5/2003 còn nhỏ tuổi nên trong khoảng thời gian từ ngày 11/09/2018 đến 01/10/2018 Bùi Văn P đã 03 lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu T.

[3] Căn cứ vào hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 145 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo 03 lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu T nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục của người phụ nữ, gây ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của người bị hại, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 27/5/2015, bị Công an huyện Đ, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 32/QĐ-XPVPHC với hình thức phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 10/11/2016, bị Công an thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPVPHC với số tiền 375.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó cần có mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đến Cơ quan Công an đầu thú; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục thiệt hại cho người bị hại; người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người bị hại cháu Lê Thị Thanh T là bà Nguyễn Thị L không có yêu cầu bị cáo P phải bồi thường gì thêm ngoài số tiền 10.000.000 đồng mà ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị T là cha mẹ ruột của bị cáo đã bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cần tịch thu tiêu hủy số vật chứng vụ án, hiện không còn giá trị sử dụng gồm 01 áo thun ngắn tay màu xanh hiệu CORELAB; 01 áo thun cổ tim ngắn tay màu nâu xám hiệu TEAM; 01 quần sọc trắng caro đen không tên hiệu; 01 quần Jean màu nâu xám.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn P phạm tội *“Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”*

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn P 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 10/10/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Do các bên không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy số vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng gồm 01 áo thun ngắn tay màu xanh hiệu CORELAB; 01 áo thun cổ tim ngắn tay màu nâu xám hiệu TEAM; 01 quần sọc trắng caro đen không tên hiệu; 01 quần Jean màu nâu xám.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001655, quyển số 0034, ký hiệu D47/2017 ngày 17/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo P phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người bị hại; người đại diện hợp pháp của người bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 (Công an tỉnh BP);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA